TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**17**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/02/2019
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Lập.**

2. Ông **Phạm Văn Nam.**

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2019/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Bạch T,** Sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Vạn T, xã Thổ S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Trung C,** Sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Vạn T, xã Thổ S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Phan Thị Bạch T trình bày:

Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C lấy nhau là do mai mối, sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2006 và không có đăng ký kết hôn

thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là cháu Huỳnh Văn Thái, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2006 và cháu Huỳnh Ngọc Nhi, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng không sống chung với nhau được nữa và hai vợ chồng đã ly thân nhau hơn 03 năm nay. Từ khi ly thân thì giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên chị T yêu cầu không công nhận giữa chị T và anh Huỳnh Trung C là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C có một hai chung là cháu Huỳnh Văn Thái, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2006 và cháu Huỳnh Ngọc Nhi, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009. Tại phiên tòa chị Phan Thị Bạch T yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Nhi, còn cháu Huỳnh Văn Thái giao lại cho anh Huỳnh Trung C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Bạch T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Phan Thị Bạch T trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Huỳnh Trung C vắng mặt tại phiên Tòa: Nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 15 tháng 02 năm 2019 anh Huỳnh Trung C trình bày: Anh C và chị T lấy nhau là do mai mối vào năm 2006. Sau thời gian sống chung anh C và chị T có hai người con chung cháu Huỳnh Văn Thái, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2006 và cháu Huỳnh Ngọc Nhi, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009. Nhưng cách đây khoảng 3 năm thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Nay chị Phan Thị Bạch T yêu cầu ly hôn thì anh Huỳnh Trung C cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C cũng đồng theo yêu cầu của chị T, anh C yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Văn Thái, còn cháu Huỳnh Ngọc Nhi giao cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Trung C trình bày: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không có nợ ai, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh C không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Huỳnh Trung C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiền hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Trung C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C lấy nhau là do mai mối, sau đó cũng yêu thương nhau được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn, cách đây hơn 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến chị Phan Thị Bạch T yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Trung C. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C lấy nhau không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vì tại Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng" và tại Điều 53 luật Hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C có 02 con chung là Huỳnh Văn Thái, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2006 và cháu Huỳnh Ngọc Nhi, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C thỏa thuận chị T nuôi cháu Huỳnh Ngọc Nhi, anh

Huỳnh Trung C nuôi cháu Huỳnh Văn Thái và cũng theo nguyện vọng của các cháu, nên ghi nhận giao cháu Huỳnh Ngọc Nhi cho chị Phan Thị Bạch T nuôi dưỡng, cháu Huỳnh Văn Thái giao cho anh Huỳnh Trung C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh C thừa nhận chị T, anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị T, anh C trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Phan Thị Bạch T phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bạch T về việc không công nhận giữa chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C là vợ chồng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C không phải là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Nhi cho chị Phan Thị Bạch T nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Văn Thái cho anh Huỳnh Trung C nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C đều có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị Bạch T và anh Huỳnh Trung C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Phan Thị Bạch Tuyết và anh Huỳnh Trung Chánh vợ chồng không có nợ ai, nên không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Bạch T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Bạch T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0000645 ngày 11 tháng 01 năm 2019 số tiền theo biên lai là 300.000đ. Như vậy chị Phan Thị Bạch T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Huỳnh Trung C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Thi hành án;
- Lưu;

Trương Thanh Toàn